

TUẦN 24

(Từ ngày 24/02/2025 đến ngày 1/3/2025)

TIẾT 70 + 71 + 72

BÀI 17: VÙNG TÂY NGUYÊN

A. LÍ THUYẾT

1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

a. Cải cách ruộng đất và phục hồi nền kinh tế sau chiến tranh (1954 – 1957)

Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	Thông tin
Diện tích	Khoảng 54,5 nghìn km ² , chiếm 16,5% diện tích cả nước (năm 2021).
Các tỉnh	Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đắk Nông.
Đặc điểm vị trí địa lí nổi bật	Không giáp biển.
Ý nghĩa của vị trí và lãnh thổ	Tiếp giáp với hai nước láng giềng Lào và Cam-pu-chia, giáp với Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung nên có vị trí chiến lược về kinh tế, chính trị và an ninh quốc phòng.

2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

Nhân Tố	Đặc điểm	Thuận Lợi	Khó Khăn
----------------	-----------------	------------------	-----------------

Địa hình và đất	– Cao nguyên xếp tầng. – Đất badan.	– Phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, trồng rừng. – Vùng núi cao phát triển lâm sản, dược liệu quý.	– Địa hình hiểm trở khó khăn cho giao thông, kết nối. – Đất bị thoái hoá.
Khí hậu	– Mang tính chất cận xích đạo, phân hoá theo độ cao địa hình, chia thành 2 mùa mưa – khô rõ rệt. – Vùng núi cao mát mẻ	– Mùa mưa có lượng mưa lớn, cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt. – Mùa khô ít mưa, kéo dài tạo điều kiện thuận lợi cho phơi sấy và bảo quản nông sản. – Phát triển du lịch.	Khô hạn
Rừng	– Có diện tích rừng khá lớn, nhiều vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển. – Rừng có tính đa dạng sinh học cao, nhiều nguồn gen quý hiếm, giàu trữ lượng và đa dạng về chủng loại, có nhiều loài dược liệu quý hiếm như sâm Ngọc Linh,... + Nhiều vườn quốc gia như Chư Mom Rây (Kon Tum),...	Bảo tồn đa dạng sinh học, du lịch.	Suy giảm đa dạng sinh học.

	khu dự trữ sinh quyển thế giới Kon Hà Nừng (Gia Lai), Lang Biang (Lâm Đồng).		
Nước	– Đầu nguồn của hầu hết các con sông ở miền Trung, Đông Nam Bộ và một số phụ lưu của hệ thống sông Mê Công. Ngoài ra còn có các hồ tự nhiên. – Nguồn nước ngầm khá phong phú.	– Phát triển thủy điện. – Nuôi trồng thủy sản. – Phát triển du lịch	Mùa khô cạn nước, nguy cơ cháy rừng
Khoáng Sản	Bô-xít nhiều nhất nước, ngoài ra còn có đá axít, asen,... phân bố chủ yếu ở Đắk Nông, Gia Lai và Kon Tum	Nguyên liệu công nghiệp.	Công nghệ còn hạn chế

3. Đặc điểm dân cư và văn hoá

a. Đặc điểm dân cư

- Dân số: khoảng 6 tr người (2021), tỉ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,25% cao hơn mức trung bình cả nước (0,93%).
- Cơ cấu dân số trẻ: 0 - 14 tuổi chiếm tỉ lệ khá cao.
- Cơ cấu giới tính: Nam cao hơn nữ 50,4 %.
- Là vùng thưa dân nhất nước ta, mật độ dân số toàn vùng là 111 người/km² (năm 2021).
- Dân cư trong vùng chủ yếu sống ở nông thôn (hơn 71% tổng số dân năm 2021). Tỉ lệ dân

thành thị còn thấp khảng 29%. Các đô thị tiêu biểu: Buôn Ma Thuột, Đà Lạt, Bảo Lộc, Pleiku,...

- Là địa bàn có nhiều thành phần dân tộc nhất nước ta, gồm các dân tộc: E-đê, Ba na, Gia-rai,

Cơ-ho, Kinh, H'Mông,...

b. Đặc điểm văn hoá

- Đặc trưng bởi không gian văn hóa công chiêng, gắn liền với việc xây dựng và duy trì đời

sống tinh thần của người dân trong buôn với sinh hoạt cộng đồng ở nhà Rông, nhà Dài.

- Các lễ hội: Cồng Chiêng, lễ mừng lúa mới.

- Di tích lịch sử - văn hóa: khảo cổ Cát Tiên,...

- Trình độ dân trí ngày càng cao.

– Vùng có nhiều dân tộc: Kinh, Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, Cơ Ho,... có văn hoá đa dạng, đậm đà

bản sắc dân tộc; giàu kinh nghiệm sản xuất, làng nghề độc đáo; truyền thống đoàn kết.

– Trình độ dân trí của người dân Tây Nguyên ngày càng được nâng cao, tỉ lệ người lớn biết

chữ đạt 91,8% (năm 2021).

4. Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh

a. Phát triển cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả

– Cây công nghiệp lâu năm: là vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn của nước ta:

cà phê (Đắk Lắk), Chè (Lâm Đồng, Gia Lai), Cao su ở Gia Lai, Đắk Lắk, Hồ tiêu, điều cũng

là cây trồng quan trọng...

– Cây ăn quả: bơ, sầu riêng, chuối,... được trồng ở hầu hết các tỉnh.

b. Lâm nghiệp

– Khai thác và chế biến gỗ: Năm 2021, sản lượng gỗ khai thác là 753,7 nghìn m³. Đắk Lắk

là tỉnh sản xuất nhiều nhất.

– Trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng: Vùng chú trọng phục hồi, bảo vệ và phát triển

rừng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học; kết hợp khai thác với trồng mới, khoanh nuôi, giao

khoán bảo vệ rừng. Năm 2021 diện tích trồng mới đạt 19 nghìn ha. Gia Lai là tỉnh có

diện tích rừng trồng mới nhiều nhất.

c. Công nghiệp sản xuất điện và công nghiệp khai khoáng

– **Sản xuất điện:**

+ Tây Nguyên có trữ năng thủy điện lớn thứ 2 cả nước, sau vùng Trung du và miền núi Bắc

Bộ.

+ Nhiều nhà máy thủy điện như: Ialy, Sê San, Srêpôk 3, Đồng Nai 3,...

+ Ngoài ra, vùng cũng phát triển năng lượng gió và năng lượng mặt trời.

– **Công nghiệp khai khoáng:** Khai thác bô-xít để sản xuất a-lu-min, nhôm. Trong quá trình

khai thác và chế biến cần chú ý vấn đề bảo vệ môi trường.

d. Du lịch

– Tây Nguyên là vùng giàu tiềm năng du lịch với tài nguyên du lịch tự nhiên, văn hoá đặc

sắc.

– Lâm Đồng và Đắk Lắk là hai tỉnh phát triển mạnh du lịch ở Tây Nguyên. Đà Lạt là thành

phố du lịch tiêu biểu.

- Giàu tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch.

- Phát triển du lịch sinh thái: thám hiểm, nghiên cứu hệ sinh thái vườn quốc gia.

- Du lịch trang trại, du lịch nghỉ dưỡng núi, hồ trên núi.
- Du lịch văn hóa: tìm hiểu giá trị nghệ thuật kiến trúc: nhà Rông, nhà Dài, nhà Mò,...
- Hoạt động du lịch phát triển ở: Lâm Đồng, Đắk Lắk. Đà Lạt là trung tâm du lịch nổi tiếng của vùng.

B. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG:

Câu 1. Tỉnh nằm ở ngã ba biên giới Việt Nam – Lào – Campuchia?

- A. Gia Lai. B. Đắk Lắk. C. Kon Tum.
C. Kon tum D. Lâm Đồng

Câu 2. Địa hình của Tây Nguyên có đặc điểm?

- A. Địa hình núi cao bị cắt xẻ mạnh. B. Địa hình cao nguyên xếp tầng.
C. Địa hình núi xen kẽ với đồng bằng. D. Địa hình cao nguyên đá vôi tiêu biểu.

Câu 3. Khó khăn lớn nhất về khí hậu đối với sản xuất và đời sống ở Tây Nguyên là?³⁷

- A. Hay có những hiện tượng thời tiết thất thường.
B. Nắng lắm, mưa nhiều làm cho đất bị rửa trôi.
C. Mùa mưa thường xuyên xảy ra lũ lụt.
D. Mùa khô kéo dài dẫn đến thiếu nước nghiêm trọng.

Câu 4. Về mật độ dân số, Tây Nguyên hiện là vùng?

- A. Có mật độ thấp chỉ sau Đồng bằng sông Hồng.
B. Dân cư đông đúc do nhập cư từ các vùng khác.
C. Có mật độ dân số thấp nhất cả nước.
D. Có mật độ trung bình so với các vùng khác.

Câu 5. Điểm đặc biệt nhất về vị trí địa lý của Tây Nguyên là?

- A. Giáp 2 quốc gia.
B. Giáp 2 vùng kinh tế.
C. Không giáp biển.
D. Giáp Đông Nam Bộ.

Câu 6. Loại khoáng sản giàu trữ lượng nhất ở Tây Nguyên là?

- A. Bô xít. B. Vàng.
C. Kẽm. D. Than đá.

Câu 7. Các loại cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Tây Nguyên là?

- A. Mía, đậu tương, thuốc lá, lạc. B. Cà phê, cao su, chè, điều.
C. Bông, lạc, hồ tiêu, dừa. D. Thuốc lá, đậu tương, dừa, hồ tiêu.

Câu 8. Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Tây Nguyên là ?

- A. Plây Ku, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt. B. Gia Nghĩa, Bảo Lộc, Kon Tum.
C. Đắk Tô, Đắk Mìn, Di Linh. D. Krông Buk, Krông Ana, Buôn Đôn.

Câu 9. Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Tây Nguyên là?

- A. Plây Ku, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt. B. Gia Nghĩa, Bảo Lộc, Kon Tum.
C. Đắk Tô, Đắk Mìn, Di Linh. D. Krông Buk, Krông Ana, Buôn Đôn.

Câu 10. Đà Lạt, ngoài nổi tiếng về hoa nơi đây còn được biết đến là nơi sản xuất nhiều?

- A. Cây công nghiệp. B. Rừng lá kim.
C. Đại gia súc. D. Rau quả ôn đới.

Câu 11. Trong xây dựng kinh tế – xã hội, Tây Nguyên có những điều kiện thuận lợi và khó khăn gì?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 12. Dựa vào bảng số liệu 38

Các tỉnh	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Lâm Đồng
Độ che phủ rừng (%)	64,0	49,2	50,2	63,5

Vẽ biểu đồ thanh ngang thể hiện độ che phủ rừng theo các tỉnh và nêu nhận

C. DẶN DÒ:

- Học thuộc lòng đề cương KTGK
- Làm luyện tập và vận dụng

.